

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 22/11/2017

V/v: *Tranh chấp hôn nhân và
gia đình.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Ngọc Châu;
2. Bà Lê Thị Len.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Tư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện VKSND huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thêm - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2017, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, xét xử công khai vụ án thụ lý số 62/2017/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2017 về “Tranh chấp hôn nhân gia đình”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *NgưY đơn:* Chị Trịnh Thị Y, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn DM, xã HG, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa.

Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Văn D, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn BS, xã HT, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa.

Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 26/4/2017, bản tự khai ngày 11/7/2017, ngưY đơn là chị Trịnh Thị Y trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn là anh Phạm Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã HG, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa ngày 03/3/2010; thời gian vợ chồng chung sống với nhau được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng không có con chung nên

cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Do không chịu đựng được nên từ tháng 11/2015 đến nay vợ chồng sống ly thân nhau. Nay chị Y xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Văn D.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, nên chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 11/7/2017, bị đơn là anh Phạm Văn D trình bày: Anh và chị Trịnh Thị Y tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND xã HG, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa ngày 03/3/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng không có con chung dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Do không chịu đựng được nên từ tháng 11/2015 đến nay vợ chồng sống ly thân nhau. Nay chị Y có yêu cầu ly hôn, anh hoàn toàn đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý, quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tố tụng của đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định, về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiêm cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng quy định. Các đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm, Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị Y, cho chị Y được ly hôn anh D, về con cái và tài sản, hai bên không có con chung, không có tài sản chung nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn xuất trình sổ điều trị ngoại trú tâm thần, giấy xác nhận bệnh tật, tuy nhiên các đương sự có đơn đề nghị không yêu cầu Tòa án tuY bố mất năng lực hành vi dân sự, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi đối với anh bị đơn nên Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung; Chị Trịnh Thị Y và anh Phạm Văn D đều có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, đây là

trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 BLTTDS. Chị Y và anh D đều đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 228 BLTTDS, quyết định xét xử vắng mặt các đương sự..

[2]. Về hôn nhân: Chị Trịnh Thị Y và anh Phạm Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã HG, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa ngày 03/3/2010, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không có con chung dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tháng 11 năm 2015 chị Y đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó vợ chồng ly thân nhau, việc này đã được cấp chính quyền xã Hà Tiến, huyện Hà Trung xác nhận. Nay chị Y và anh D đều mong muốn ly hôn và đều có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án, điều này chứng tỏ cuộc sống vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị Y được ly hôn anh D là phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị Y và anh D không có con chung nên miễn xét.

[4]. Về tài sản: Cả chị Y và anh D đều không yêu cầu nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Chị Y là nguY đơn trong vụ án phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân, anh D không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6; Điều 9; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Cho chị Trịnh Thị Y ly hôn anh Phạm Văn D.

2. Về án phí: Chị Trịnh Thị Y phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số AA/2015/0004683 ngày 21/6/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung, chị Y đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị Y và anh D có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- THADS huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Văn Đạt